

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-PT
Ngày 16-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Ông Đặng Minh Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo VVN do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

VVN, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1986 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và con bà E; có vợ là chị F và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 42/2014/HSST ngày 23/4/2014 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngày 05/01/201, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 09/9/2014 bị cáo thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/3/2021; có mặt.

- Bị hại không kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH; Địa chỉ: Phố G, xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do VVN muốn san lấp ruộng trồng lúa tại số thửa 239, 241, tờ bản đồ 02 tại thôn I, xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng thành mặt bằng cho thuê bãi đỗ xe ô tô. VVN biết khu vực mặt bằng R48 đã được Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH san lấp xong, chưa bàn giao cho chủ đầu tư thuộc Khu Công nghiệp K, huyện L, thành phố Hải Phòng đang thi công, có nhiều đất vật liệu xây dựng đang được san lấp, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để san lấp ruộng. Thực hiện ý định trên, VVN đã thuê xe máy xúc công suất lớn để xúc đất tạo thành đồng to và làm đường đi để vận chuyển đất thuận tiện. Sau đó, VVN tiếp tục thuê máy xúc nhỏ, xe ô tô tải vận chuyển đất chiếm đoạt được đến địa điểm ruộng cần san lấp. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 18/12/2020, VVN đã thực hiện việc chiếm đoạt đất vật liệu xây dựng.

Ngày 14/12/2020, VVN đang đi trong khu vực Khu Công nghiệp K thì thấy một chiếc máy xúc to đang đi trên đường nội bộ nên VVN đã thuê lái xe máy xúc này nhưng không nhớ tên lái xe, số xe máy xúc đến mặt bằng R48 xúc đất vật liệu xây dựng. Trong khoảng thời gian từ ngày 14 đến ngày 15/12/2020, VVN đã lấy một phần đất tại mặt bằng R48 để san lấp ruộng bên cạnh, tạo thành đường đi nối từ đường nội bộ Khu Công nghiệp K với mặt bằng R48. Phần đất còn lại VVN cho xe máy xúc để thành 02 đồng sát đường đi. Từ ngày 17 đến ngày 18/12/2020, VVN thuê xe máy xúc loại Cobeco màu vàng của anh M, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng và 05 chiếc xe ô tô tải gồm: xe biển số 15C-28.641 của anh O, sinh năm 1984, trú tại thôn N, xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng, xe biển số 14P - 2868 của anh P, sinh năm 1975, trú tại xã Q, huyện C, thành phố Hải Phòng, xe biển số 30V - 8923 của anh R, sinh năm 1976, trú tại xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng, xe biển số 15C - 28.345 của anh S, sinh năm 1976, trú tại xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng, xe biển số 16N - 6621 của anh T, sinh năm 1985, trú tại xã J, huyện C, thành phố Hải Phòng (do anh U, sinh năm 1986, trú tại thôn 12, xã V, huyện C, Hải Phòng làm lái xe) đến mặt bằng R48 xúc đất từ các đồng trước đó VVN đã thuê đào lên để sẵn chuyển lên các xe ô tô tải để chở đến ruộng của VVN tại thôn I, xã J, huyện L, thành phố Hải Phòng để san lấp.

VVN thuê anh M xúc đất với giá 50.000đồng/chuyến xe ô tô tải vận chuyển đi và thuê ô tô tải loại 04m³ vận chuyển đất với giá từ 100.000 đồng/chuyến đến 120.000 đồng/chuyến. Các bên không thỏa thuận số lượng khối đất, thời gian cụ thể mà chỉ thỏa thuận chở đất san lấp đầy mặt bằng ruộng. VVN chỉ liên lạc với anh M, anh O thuê phương tiện vận chuyển. Sau đó, anh O gọi cho những người lái xe khác để cùng vận chuyển đất cho VVN. Anh O là người theo dõi số lượng đất vận chuyển của từng xe, báo lại cho VVN để tính công. Việc chiếm đoạt đất VVN thực hiện một mình, không bàn bạc với người khác. VVN không nói rõ nguồn gốc đất san lấp cho anh M, anh O và những người lái xe biết là tài sản VVN chiếm đoạt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH. Anh M, anh O là hai anh em, khi VVN thuê

xe máy xúc và ô tô tải, anh M, anh O không biết đất san lấp tại mặt bằng R48 là do VVN chiếm đoạt của người khác. Thấy khối lượng đất đá cần vận chuyển nhiều, anh O đã gọi các lái xe khác cùng chở với mình. Anh O trực tiếp theo dõi số chuyến của mỗi xe, tổng hợp lại để thanh toán tiền công với VVN. Ngày 17/12/2020, anh O trực tiếp chở đất và gọi thêm 02 xe ô tô của anh P, anh R. Ngày 18/12/2021, anh O tiếp tục gọi thêm 02 xe ô tô của anh S và T. Sau đó, VVN đã thanh toán tiền cho anh M 4.250.000 đồng, cho anh O 8.500.000 đồng, anh O đã trả cho những lái xe khác theo số lượng chuyển vận chuyển.

Trong khoảng thời gian hai ngày 17 và 18/12/2020 các xe ô tô tải đã chở được 85 chuyến xe đất, mỗi chuyến các xe ô tô tải chở được khoảng 04m³ đất, cụ thể: Xe biển số 14P - 2868 của anh P chở được 27 chuyến, trong đó ngày 17/12/2020 chở được 14 chuyến, ngày 18/12/2020 chở được 13 chuyến. Xe biển số 30V - 8923 của anh R chở được 22 chuyến, trong đó ngày 17/12/2020 chở được 09 chuyến, ngày 18/12/2020 chở được 13 chuyến. Xe biển số 15C-28.641 của anh O chở được 18 chuyến, trong đó ngày 17/12/2020 chở được 09 chuyến, ngày 18/12/2020 chở được 09 chuyến. Xe biển số 15C - 28.345 của anh S chở được 10 chuyến vào ngày 18/12/2020. Xe biển số 16N - 6621 của anh U chở được 08 chuyến vào ngày 18/12/2020.

Hành vi lấy đất vật liệu xây dựng của VVN bị lực lượng bảo vệ Khu Công nghiệp K phát hiện vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 18/12/2020. Khi bị bảo vệ phát hiện, anh O đã thông báo với VVN, các bên dừng lại không tiếp tục vận chuyển đất, VVN đã thông báo cho anh M và anh O dừng việc xúc, vận chuyển đất lại. Đến ngày 20/12/2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH gửi đơn trình báo đến Công an huyện Thủy Nguyên việc bị mất đất vật liệu xây dựng tại mặt bằng R48 Khu Công nghiệp K.

Tại Chứng thư giám định ngày 22/12/2020 của Công ty cổ phần giám định W và bản Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 15/01/2021, số 10 ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá đất đá san lấp loại đất núi có giá 70.000 đồng/m³. Khối lượng đất đá không còn tại các hố đã đào trong mặt bằng R48 là 354,85m³ là phần đất VVN đã chuyển đến san lấp tại ruộng tại thôn I, xã J, huyện L có trị giá 24.839.500 đồng, khối lượng đất đá đã được đào lên và lấp làm đường là 385,15m³ và khối lượng đất đá được đào lên, vẫn còn tại mặt bằng là 162,06m³ có tổng trị giá là 38.304.700 đồng. Tổng chi phí khôi phục mặt bằng R48 gồm công vận chuyển, công máy san mặt bằng, công máy nén thành mặt bằng là 59.403.000 đồng.

Sau khi hành vi lấy đất vật liệu xây dựng bị phát hiện, VVN đã tự vận chuyển trả lại toàn bộ khối lượng đất vật liệu xây dựng đã chiếm đoạt và bồi thường 49.682.000 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH. Công ty Trách

nhệm hữu hạn BH không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho VVN.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: VVN 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí; quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo VVN kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo VVN về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuyên phạt bị cáo mức hình phạt 12 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp được một số tài liệu chứng cứ mới thể hiện: Bị cáo có mẹ để được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì và Kỷ niệm chương; bố để bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất; bản thân bị cáo được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải vì đã có thành tích xuất sắc trong việc trục vớt tàu Mỹ Đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo tuy có 01 tiền án đã được xóa nhưng xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương bảo lãnh xác nhận và đề nghị cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục và phòng ngừa chung. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản, chứng thư giám định, biên bản xác định hiện trường

và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 18/12/2020, bị cáo VVN đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt 354,85m³ đất đá san lấp có trị giá 24.839.500 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn BH. Với hành vi nêu trên bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an xã hội nên cần xét xử nghiêm.

- Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

[4] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: Bị cáo có mẹ đẻ được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì và Kỷ niệm chương, bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, bản thân bị cáo được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải vì đã có thành tích xuất sắc trong việc trực vớt tàu Mỹ Đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo tuy có 01 tiền án đã được xóa nhưng xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương bảo lãnh xác nhận và đề nghị cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐPTANDTC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về điều kiện hưởng án treo, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục và phòng ngừa chung. Chính vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Vì kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo VVN, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: **VVN 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”**. Thời gian thử thách là: 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo VVN cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số đối với bị cáo VVN kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo VVN không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- Vụ GDKT1- TANDTC;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- PV 06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS huyện Thủy Nguyên;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng

